

Số: 11 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Giám sát việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về điện lực

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

Thực hiện nội dung Công văn số 1925/UBKHCNMT14 ngày 08/12/2020 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc xây dựng và gửi báo cáo giám sát về điện lực, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo các nội dung như sau:

I. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kết quả ban hành:

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được tổng hợp tại Bảng 1 như phụ lục đính kèm.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 25/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020.

- Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.

- Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV (Hợp phần II) nhằm phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tốc độ tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2016-2020 là 6-7%/năm; giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2035 là 7,5%/năm; đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy đảm bảo phát triển kinh tế chính trị và an sinh xã hội.

- Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh về tăng cường sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả để đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sản xuất, kinh doanh và nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của nhân dân.

- Công văn số 2589/UBND-CNXD ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 nhằm duy trì ổn định an ninh năng lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đồng thời trong giai đoạn 2020-2025 phần đầu hàng năm phải đạt mục tiêu tiết kiệm tối thiểu 5% tổng điện năng tiêu thụ trong năm trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực điện và năng lượng đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đồng bộ và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật do các cấp có thẩm quyền ban hành.

II. Tình hình thực thi pháp luật

1. Tình hình thực hiện và đánh giá chi tiết kết quả thực hiện

a) Tình hình lập quy hoạch

- Nguồn điện

+ Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh theo các Quyết định của UBND tỉnh và Bộ Công Thương gồm 29 dự án, với tổng công suất thiết kế là 614,2 MW.

+ Quy hoạch điện mặt trời theo các Quyết định của Bộ Công Thương gồm 02 dự án, với tổng công suất thiết kế là 68,808 MWp.

+ Quy hoạch Điện khí theo Quyết định số 1896/QĐ-BCT ngày 29/5/2017 của Bộ Công Thương gồm 3 nhà máy điện khí Dung Quất I, II và III với tổng công suất dự kiến là 3x750 MW. Thời gian đưa vận hành dự kiến từ năm 2023-2024.

- Về lưới điện truyền tải và phân phối:

+ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030.

+ Quyết định số 4404/QĐ-BCT ngày 03/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020 và Quyết định số 4813/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV (Hợp phần I).

+ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV (Hợp phần II).

b) Tình hình đầu tư

- Về nguồn điện: Trong giai đoạn 2011-2020, các dự án nguồn điện trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng:

+ Thủy điện: 09 dự án thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất thiết kế là 302,3 MW: Hà Nang (11 MW), Nước Trong (16,5 MW), Sông Riêng (3 MW), Huy Mãng (1,8 MW), Đăkđrinh (125 MW), Sơn Tây (18 MW), Sơn Trà 1 (60 MW), Đăkre (60 MW), Kà Tinh (7 MW).

+ Điện mặt trời: 02 dự án với tổng công suất 68,8 MWp: Mộ Đức (19,2 MWp), Bình Nguyên (49,6 MWp).

+ Điện mặt trời trên mái nhà trên địa bàn tỉnh được phát triển mạnh mẽ. Đến nay đã có khoảng 1332 khách hàng lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà với tổng công suất 164 MWp.

- Lưới điện truyền tải: Giai đoạn 2011-2020 là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của lưới điện Quảng Ngãi, thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

+ Lưới điện tỉnh Quảng Ngãi truyền tải gồm trạm 500 kV - 450 MVA Dốc Sỏi và 04 trạm biến áp 220 kV là: trạm Dốc Sỏi 220/110 kV - (2x125) MVA; trạm Dung Quất 220/110 kV - 2x250 MVA được cấp điện từ đường dây 220 kV Dốc Sỏi - Dung Quất, 2 mạch, chiều dài 9,27 km; trạm Quảng Ngãi 220/110 kV - 2x125 MVA được cấp điện từ đường dây 220 kV mạch kép Dốc Sỏi - Quảng Ngãi dài 59,2 km (treo dây 1 mạch) và trạm 220 kV/110 kV - 2x125 MVA Sơn Hà thu gom công suất thủy điện (đầu nối đường dây 2 mạch 220 kV Dốc Sỏi - Sơn Hà chiều dài 47 km); đường dây mạch kép 220 kV đầu nối Dốc Sỏi - Tam Kỳ, trạm 220 kV Tam Kỳ đầu nối vào thủy điện Sông Tranh và kết nối tới trạm 500 kV Đà Nẵng nên có độ tin cậy và an toàn cung cấp điện rất cao, nguồn cung cấp điện luôn được đảm bảo.

Ngoài ra ngành điện đang thực hiện đầu tư dự án Đường dây 500 kV Vũng Áng - Dốc Sỏi đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi dài 11,284 km; Đường dây 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku dài 85,011 km; Nâng công suất trạm biến áp 500 kV Dốc Sỏi lên 2x600 MVA dự kiến hoàn thành trong năm 2021 sẽ đảm bảo nguồn cung cấp điện, nâng cao độ tin cậy cấp điện cho tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận trong khu vực.

+ Lưới 110 kV hiện có: Tổng chiều dài 290 km và 13 trạm biến áp 110 kV với tổng dung lượng là 875 MVA, bao gồm các trạm: Trạm Núi Bút 110/35/22 kV - (25+40) MVA; trạm Tư Nghĩa 110/22 kV - 25 MVA; trạm Mộ Đức 110/35/22 kV - 2x25 MVA; trạm Đức Phổ 110/22 kV - 1x25 MVA; trạm Tịnh Phong 110/35/22 kV - 2x40 MVA; trạm Bình Chánh 110/22 kV - 25 MVA; trạm Dung Quất 110/22 kV - 2x25 MVA; trạm Cảng Dung Quất 110/22 kV - 40 MVA; trạm Quảng Phú 110/22 kV - (40+25) MVA; trạm VSIP - 1x25 MVA; trạm Bình Nguyên - 1x25 MVA và trạm thép Hòa Phát

Dung Quất giai đoạn 1 và 2: 4x100 MW; trạm Sơn Hà - 25 MVA đảm bảo cung cấp điện tin cậy, an toàn cho phụ tải sản xuất và sinh hoạt của tỉnh. Đối với khu vực miền núi như các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng đều nhận nguồn cung cấp từ các đường dây 35 kV mạch đơn, xa các trạm 110 kV và đi qua nhiều khu vực rừng núi nên độ tin cậy cung cấp điện thấp. Theo quy hoạch, trong giai đoạn 2021-2025 ngành điện sẽ xây dựng các trạm 110 kV thay thế các trạm trung gian 35 kV để đảm bảo độ tin cậy cấp điện cho các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

- Lưới điện phân phối: Nhiều dự án lớn được đầu tư xây dựng như: Dự án Năng lượng nông thôn II; các dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng lưới điện từ WB, ADB, KFW... và hiện nay đang triển khai dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 và Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Ngãi. Đặc biệt, Dự án Cấp điện từ hệ thống điện quốc gia cho huyện đảo Lý Sơn (đảo Lớn) bằng cáp ngầm được đầu tư hoàn thành vào tháng 9/2014 và năm 2017 dự án Cấp điện cho xã An Bình (đảo Bé), huyện Lý Sơn: Lắp đặt 02 máy phát điện Diesel với công suất 110 kVA mỗi máy; 2,2 km đường dây 0,4 kV và hệ thống công tơ đo đếm từ xa; lắp đặt hệ thống Pin năng lượng mặt trời với công suất 97 KW. Dự án hoàn thành đảm bảo cấp điện cho nhân dân trên xã đảo An Bình 24/24 giờ.

Tóm lại, trong giai đoạn 2011-2020, lưới điện truyền tải 110 kV, 220 kV, 500 kV, lưới điện phân phối tỉnh Quảng Ngãi đã được đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy, cung cấp điện ổn định, đảm bảo cung ứng điện đầy đủ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi; đảm bảo tiêu chí số 4 về điện nông thôn. Hiện nay 173/173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã có điện, đạt tỷ lệ 100%; tổng số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn trên địa bàn tỉnh là 325.888/354.400 hộ, đạt tỷ lệ 99,6%. Trong đó, tỷ lệ hộ dân khu vực thành thị có điện là 100%, tỷ lệ hộ khu vực miền núi có điện là 99,5%.

c) Tình hình thực hiện tiết kiệm điện

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện (Chỉ thị 171/CT-TTg ngày 26/01/2011; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017; Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 07/5/2020), UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các chỉ thị, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tiết kiệm điện trên toàn tỉnh (Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/5/2013; Văn bản số 2589/UBND-CNXD ngày 09/6/2020...). Công tác tiết kiệm điện trong giai đoạn 2011-2020 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Sản lượng điện tiết kiệm được khoảng 2,1% sản lượng điện thương phẩm trên toàn tỉnh.

d) Tình hình thực hiện thị trường điện, giá điện

Tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền đến các tổ chức hoạt động điện lực trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về giá bán điện, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, người dân.

đ) Tình hình sử dụng đất, bảo vệ môi trường liên quan đến điện lực và năng lượng

Tỉnh Quảng Ngãi xác định ưu tiên bố trí quỹ đất để đầu tư công trình điện có ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, tỉnh đã bố trí quỹ đất đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện các công trình năng lượng, tạo điều kiện để các chủ đầu tư sớm tiếp nhận mặt bằng và hoàn thành công tác thực hiện các công trình điện.

(Gửi kèm theo các Phụ lục thông tin các bảng số 7,8,9,10,12, các bảng khác tỉnh Quảng Ngãi không có nội dung liên quan)

2. Những tồn tại, hạn chế

- Về thực hiện quy hoạch điện: Một số công trình điện trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi đã được phê duyệt còn triển khai chậm tiến độ, đặc biệt là các công trình xây dựng mới lưới điện 110 kV.

- Về thực hiện tiết kiệm năng lượng: Một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố, ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả còn hạn chế, sử dụng các phương tiện, thiết bị, công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường; chưa đáp ứng quy định về định mức tiêu hao năng lượng đối với một số ngành công nghiệp đã có quy định về định mức tiêu hao năng lượng.

- Quá trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án lưới điện còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc do các văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ và chưa phù hợp. Khó khăn trong công tác xác định giá và lập phương án bồi thường. Việc quản lý đất đai còn một số hạn chế, bất cập dẫn đến tranh chấp, khiếu nại trong nhân dân.

- Việc thực hiện đầu tư cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2013-2020 còn chậm, chưa đạt được mục tiêu đề ra là đến năm 2020 hầu hết các hộ dân trên địa bàn tỉnh có điện.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Việc đầu tư công trình năng lượng theo quy hoạch đòi hỏi nguồn lực lớn, đồng thời việc phát triển phụ tải chưa đạt được như dự kiến đoán đến việc thực hiện chưa đảm bảo tiến độ quy hoạch đề ra.

- Việc lập và bổ sung quy hoạch đất đai còn chưa đồng bộ, dẫn đến việc bị chồng lấn với các quy hoạch khác. Về phía người dân còn chưa hợp tác, ủng hộ do chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng của địa phương ban hành.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương cho Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi còn hạn chế.

III. Kiến nghị, đề xuất

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về điện lực, UBND tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị một số nội dung sau:

1. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong hành lang lưới điện theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện khi thực hiện đầu tư các dự án lưới điện chưa phù hợp với thực tiễn tại địa phương nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, kể cả dự án đường dây 500 kV do Thủ tướng Chính phủ Quyết định chủ trương đầu tư. Đề nghị xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

2. Kính đề nghị Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội có ý kiến với cấp có thẩm quyền bố trí vốn bổ sung cho dự án Cấp điện nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 để giải quyết nhu cầu bức xúc về cấp điện ở các thôn, bản đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói, giảm nghèo và đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi; đảm bảo thực hiện mục tiêu của Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo là hầu hết các hộ dân đều có điện.

3. Cần có chính sách phù hợp để tăng cường, khuyến khích tiết kiệm điện, nhất là trong nhân dân.

Kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương (b/cáo);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.toan11



Trần Phước Hiền

Phụ lục 01

Bảng 1: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Quảng Ngãi về điện lực và năng lượng (Giai đoạn 2011-2020)
Kiểm theo Báo cáo số 11 /BC-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh)



STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
I. Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh				
1	Nghị quyết số 25/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XI, kỳ họp thứ 3 về việc thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	27/10/2011	1/11/2011	
2	Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XII, kỳ họp thứ 2 về việc thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV	15/7/2016	25/7/2016	
II. Quyết định của UBND cấp tỉnh				
1	Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV (Hợp phần II).	23/3/2017	23/3/2017	
III. Văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh				
1	Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh về việc tăng cường tiết kiệm điện năm 2013	15/5/2013	15/5/2013	
2	Công văn số 2589/UBND-CNXXD ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025	7/5/2020	7/5/2020	

Phụ lục 02
Bảng 7: Các nhà máy thủy điện đã vận hành có công suất trên 30MW tại Quảng Ngãi (Giai đoạn 2011-2020)
(Kèm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

Tên dự án	Vị trí	Công suất lắp máy (MW)	Năm phát điện	Sản lượng theo thiết kế (triệu kWh)	Sản lượng bình quân hàng năm (triệu kWh)							Doanh thu bình quân hàng năm (tỷ đồng)	Chủ dự án	Tổng mức đầu tư (trước thuế) (tỷ)	Kiểu nhà máy/CĐ vận hành	Tỷ lệ sản lượng tham gia thị trường điện	Giá bán theo hợp đồng mua bán điện	Cơ chế bán điện				
					2014	2015	2016	2017	2018	2019	2019											
Thủy điện Đắkdrinh	Huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi và huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum	125	2014	541	347	503	465	744	423	432	306	525	516	653	458	453	Công ty Cổ phần thủy điện Đắkdrinh	5513	Đường dẫn/cửa van	100%	778,78 đồng/kWh	Cạnh tranh
Thủy điện Đắkre	Huyện KonPlong, tỉnh Kon Tum và huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	60	2019	220						94					104	Công ty CP thủy điện Thiên Tân	2199	Đường dẫn/cửa van	85,6%	1088,46 đồng/kWh	Cạnh tranh	
Thủy điện Sơn Trà 1	Xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây và xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà	60	2018	220					66	136				98	223	Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	1952	Đường dẫn/trần tự do		Biên giá chỉ phí tránh được	Biên giá chỉ phí tránh được	

Phụ lục 03

Bảng 8: Các nhà máy thủy điện đã vận hành có công suất dưới 30MW tại Quảng Ngãi (Giai đoạn 2011-2020)
(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

Tên dự án	Vị trí	Công suất lắp máy (MW)	Năm phát điện	Sản lượng theo thiết kế (triệu kWh)	Sản lượng bình quân hàng năm (triệu kWh)								Doanh thu bình quân hàng năm (tỷ đồng)					Chủ dự án	Tổng mức đầu tư (trước thuế)	Kiểu nhà máy/CH vận hành	Tỷ lệ sản lượng tham gia thị trường điện	Giá bán theo HDD mua bán điện	Cơ chế bán điện					
					2014	2015	2016	2017	2018	2019	2014	2015	2016	2017	2018	2019												
Thủy điện Cà Dù	Xã Trà Thủy - huyện Trà Bồng	2,6	2009	7,5	7,05	7,5	7,6	9,06	8,8	9,1									Công ty TNHH XD thủy điện Cà Dù	25								
Thủy Điện Hà Nang	Xã Trà Thủy - huyện Trà Bồng	11	2010	44,28	49,6	66,5	59,4	65,4	56,7	61	45,1	62,4	57,6	60,7	57,4	64,4			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Tân	319								
Thủy điện Sông Riêng	Xã Trà Phong - huyện Trà Bồng	2,95	2012	12	12	11	13,1	15,7	10,2	10,5	11,3	14	14,2	16,5	13,4	13,8			Công ty CP HP	55								

Biểu giá chi phí tránh được
 Theo HD

Thủy điện Nước Trong	Xã Sơn Bao - huyện Sơn Hà	16,5	2012	69	24,8	45,1	60,6	109	66,4	76	22,7	45,4	69,5	107	80	93	Công ty CP Thủy điện Nước Trong	376	Kiểu Đập	95,5%	Biểu giá chi phí tránh được	Theo HD
Thủy điện Sơn Tây	Xã Sơn Mùa và xã Sơn Tân -huyện Sơn Tây	18	2018	72					26	26,4					31	32	Công ty CP năng lượng SOVICO Quảng Ngãi	621,3				
Thủy điện Núi Ngang	Xã Ba Liên- huyện Ba Tơ	0,7	2020														Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HDI		Kiểu đập			
Thủy điện Kà Tinh I	Xã Trà Lâm - Huyện Trà Bồng	7	2020	23,84													Công ty CP thủy điện Trà Bồng	231,1	Kiểu đường dẫn/ tràn tự do			
Thủy điện Huy Măng	Xã Sơn Dung - Sơn Tây	1,8	2015	6,81	3,5	6	6	3,5	3,6								Công ty CP thủy điện Huy Măng	57				

Phụ lục 04

Bảng 9: Dữ liệu môi trường, xã hội, đất đai của các nhà máy thủy điện tại Quảng Ngãi (Giai đoạn 2011-2020)

(Kèm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh)



Tên dự án	Vị trí dự án	Quy mô dự án (MW)	Dung tích hồ chứa (1.000 m ³)	Tổng diện tích đất dự án đã và dự kiến sẽ sử dụng (ha)	Diện tích đất rừng đã và dự kiến sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng (ha)	Diện tích đất nông nghiệp đã và dự kiến sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng (ha)	Số người/hộ dân tái định cư	Số hộ/người dân bị ảnh hưởng đến đất sản xuất	Số lượng tín chi giảm phát thải khí hàng năm (1.000 tấn chi)	Giá trị bán lượng tín chi giảm phát thải khí hàng năm (1.000 USD)
I. Dự án thủy điện công suất trên 30MW										
Thủy điện Đăkdrinh	Xã Sơn Dung, Sơn Mùa, Sơn Liên, huyện Sơn Tây	125	248500	1669,92	1,95	1320,2	385/181	2883		
Thủy điện Đăkre	Xã Hiếu, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum và xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	60	9220	192,15	131,99	6,68				
Thủy điện Sơn Trà 1	Xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây và xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà	60	6830	76,46	19,5	24,6				

II. Dự án thủy điện công suất dưới 30MW										
Thủy điện Cà Đù	Xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	2,6	25							
Thủy Điện Hà Nang	Xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	11	23440	265,065	142,388	79,43	128	128		
Thủy điện Nước Trong	Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà	16,5	289500	1,26	1,26		465	465	39.380	
Thủy điện Sơn Tây	Xã Sơn Mùa và xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	18	530	55,81					70	
Thủy điện Núi Ngang	Xã Ba Liên, huyện Ba Tơ	0,7		0,4						
Thủy điện Huy Mãng	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây	1,8	65	7,2					36	
Thủy điện Kà Tinh	Xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng	12	1455	49,38	28,17	12,25			145	
Thủy điện Sóng Riêng	Xã Trà Phong, huyện Trà Bồng	2,9	100	12,43		6,14			7500	32,066

Phụ lục 05

Bảng 10: Dữ liệu Dự án điện mặt trời đã đi vào vận hành tại Quảng Ngãi (Giai đoạn 2011-2020)


(Kèm theo Báo cáo số 11 /BC-UBND ngày 30/01/2021 của UBND tỉnh)

Tên nhà máy	Vị trí	Diện tích sử dụng (ha)	Mức điện áp nối lưới (HV/MV)	Ngày vận hành thương mại thực tế	Chủ sở hữu/ nhà phát triển	Công suất trạm biến áp (kV)	Điện năng trung bình năm (MWh)	Pin PV			Tổng mức đầu tư (trước thuế) (tỷ)
								HS (%)	Số tấm	max (Wp)	
Nhà máy điện mặt trời Bình Nguyên	Xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	56,02	0,6/22kV	5/2019	Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi và Công ty Sermasang international company limited (Thái Lan)	220	73000	17,26	147.900	360	1138
Nhà máy điện mặt trời Mộ Đức	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	24	0,6/35kV	30/4/2019	Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Thiên Tân.	4x4400 kVA	33389	18,6	52.800	19200	826,3

Phụ lục 06

Bảng 12: Dữ liệu môi trường, xã hội, đất đai của nhà máy điện mặt trời đã đi vào vận hành

(Kiểm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh)



Tên dự án	Chủ dự án	Vị trí dự án	Quy mô dự án (MW)	Tổng diện tích đất dự án đã và dự kiến sẽ sử dụng (ha)	Diện tích đất nông nghiệp đã và dự kiến sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng(ha)	Số người/hộ dân tái định cư	Số hộ/người dân bị ảnh hưởng đến đất sản xuất	Số lượng tín chỉ giảm phát thải khí hàng năm (1.000 tấn chỉ)	Giá trị bán lượng tín chỉ giảm phát thải khí hàng năm (1.000 USD)
Nhà máy điện mặt trời Bình Nguyễn	Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi và Công ty Sermsang international company limited (Thái Lan)	Xã Bình Nguyễn, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	49,61	56,02					
Nhà máy điện mặt trời Mộ Đức	Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Thiên Tân	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	19,2	24					